

Số: 12/2025/QĐST-LĐ

Hung Yên, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HUNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Bùi Thị Thoan.

Thư ký phiên họp: Ông Lại Nhật Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Hưng Yên tham gia phiên họp:
Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-VLĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc “*Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 15/2025/QĐ - MPH ngày 16 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1996.

Số căn cước công dân: 015196001xxx do Cục trưởng Cục Cảnh sát cấp ngày 31/01/2023

Địa chỉ: Tổ dân phố GH, phường VP, tỉnh HY

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH I;

Địa chỉ: Km6 + 500 Quốc lộ 10, xã VT, tỉnh HY (Thị trấn VT, huyện VT, tỉnh TB cũ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Jang Young D**, sinh năm 1957, chức vụ: Tổng giám đốc.

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh HY(cơ sở TB);

Địa chỉ: Số 07, đường Lê Lợi, phường TB, tỉnh HY

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn K, chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã

hội cơ sở TB;

2.3. Chị Phạm Thị Ngọc K, sinh năm 1999

Số căn cước công dân: 034199005xxx do Bộ Công an cấp ngày 14/4/2025

Địa chỉ: Thôn QT, xã BL, tỉnh BN

(Chị Lê Thị H, Công ty TNHH và chị Phạm Thị Ngọc K có đơn đề nghị vắng mặt. Bảo hiểm xã hội tỉnh HY (cơ sở TB) vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai người yêu cầu, chị Lê Thị H trình bày:

Tôi và chị Phạm Thị Ngọc K là chị em. Năm 2014, do chưa có giấy chứng minh nhân dân nên khi ký hợp đồng lao động chị K đã mượn chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, lý lịch của tôi để chị K làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH I. Tất cả các thông tin tại hồ sơ xin việc đều là của tôi, chỉ có hình ảnh cung cấp cho công ty là hình ảnh của chị K. Chị K là người viết, ký vào hồ sơ xin việc mang tên chị (Lê Thị H). Bản thân chị không tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH I và cũng không làm việc tại công ty này. Tháng 9 năm 2014, chị K ký kết hợp đồng lao động và bắt đầu làm việc tại công ty TNHH I từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017 thì chị K xin thôi việc. Quá trình làm việc Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho chị K theo quy định theo sổ bảo hiểm xã hội số 3414007xxx đứng tên tôi (Lê Thị H). Trong khoảng thời gian đó, tôi cũng làm việc tại công ty TNHH H (còn có tên gọi khác là công ty TNHH N hay Công ty TNHH TTB) từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 10 năm 2019, từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2020 tôi nghỉ chế độ thai sản và xin nghỉ hẳn luôn không làm việc cho Công ty TNHH TTB, đóng bảo hiểm xã hội theo quy định, sổ sổ 3414006xxx. Từ tháng 3/2024 đến nay 12/2025, tôi đang làm việc tại công ty TNHH TM tại tỉnh Hưng Yên. Tháng 05/2020 tôi nghỉ việc và yêu cầu bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình chốt sổ bảo hiểm thì được biết: bảo hiểm xã hội đứng tên tôi (Lê Thị H) có hai sổ và bị trùng từ tháng 9/2014 đến tháng 11/2017 nên không chốt được sổ bảo hiểm. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của tôi và chị K, tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động là Lê Thị H nhưng do chị Phạm Thị Ngọc K là người tham gia giao kết với người sử dụng lao động là công ty TNHH I trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017 vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH I trình bày:

Trong thời gian từ ngày 05 tháng 9 năm 2014 đến ngày 04 tháng 9 năm 2015, Công ty TNHH I có ký kết Hợp đồng lao động số 7956 với người lao động có thông tin cá nhân là Lê Thị H, sinh ngày 05/5/1996, có chứng minh nhân dân số 152126xxx ngày cấp 17/3/2011, địa chỉ tại VT, TB.

Ngày 05/9/2016, công ty tiếp tục ký hợp đồng lao động xác định thời hạn với chị Lê Thị H. Đến tháng 11/2017 chị H xin nghỉ việc tại công ty.

Từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị Lê Thị H tại Bảo hiểm xã hội tỉnh TB (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh HY) với số sổ 3414007xxx. Trong thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 11/2017 chị H không ký thêm hợp đồng nào khác với Công ty TNHH I và Công ty TNHH I không ký kết hợp đồng lao động nào với chị Phạm Thị Ngọc K. Việc chị K lấy tên chị H để ký hợp đồng với Công ty, công ty không biết. Nay chị H có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với các hợp đồng lao động công ty đã ký với chị Lê Thị H, hiện Công ty không còn lưu giữ nên không có để cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, công ty khẳng định giữa Công ty với người lao động Lê Thị H có ký kết hợp đồng lao động vào ngày 05/9/2014 đến ngày 04/9/2015; Hợp đồng lao động từ ngày 05/9/2015 đến ngày 04/9/2016 và Hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ ngày 05/9/2016 như đã trình bày ở trên.

Do công việc bận mải và thường xuyên đi công tác nên Người đại diện theo pháp luật của công ty xin được giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội cơ sở TB cung cấp:

Bà Lê Thị H có thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 9/2014 đến tháng 11/2017 là 03 năm 03 tháng tại công ty TNHH I được ghi nhận theo sổ BHXH số 3414007xxx.

Ngoài thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 9/2014 đến tháng 11/2017 được ghi nhận theo sổ BHXH số 3414007xxx, bà Lê Thị H còn có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại số sổ 3414006xxx thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 04/2020 tại Công ty TNHH TTB nay là Công ty TNHH H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Phạm Thị Ngọc K trình bày:

Tôi với chị Lê Thị H là chị em. Năm 2014, do chưa có giấy chứng minh nhân dân nên khi ký hợp đồng lao động tôi đã mượn chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, lý lịch của chị Lê Thị H, sinh năm 1996, địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ dân phố GH, phường VP, tỉnh HY để tôi làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH I. Tất cả

các thông tin tại hồ sơ xin việc đều là của chị H, chỉ có hình ảnh cung cấp cho công ty là hình ảnh của tôi. Tôi là người viết, ký vào hồ sơ xin việc mang tên chị (Lê Thị H). Bản thân chị H không tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH I và cũng không làm việc tại công ty này. Tháng 9 năm 2014, tôi đã ký kết hợp đồng lao động và bắt đầu làm việc tại công ty TNHH I từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017 thì tôi xin thôi việc. Quá trình làm việc Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho tôi theo quy định tại sổ bảo hiểm xã hội số 3414007xxx đứng tên chị Lê Thị H. Trong khoảng thời gian đó, chị H cũng làm việc tại công ty TNHH H (còn có tên gọi khác là công ty TNHH N hay Công ty TNHH TTB) từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 10 năm 2019, từ tháng 11/2019 chị H nghỉ chế độ thai sản và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định, sổ sổ 3414006xxx. Tháng 05/2020 chị nghỉ việc tại Công ty TNHH TTB và yêu cầu bảo hiểm xã hội tỉnh TB chốt sổ bảo hiểm thì được biết: bảo hiểm xã hội đứng tên chị Lê Thị H có hai sổ và bị trùng từ tháng 9/2014 đến tháng 11/2017 nên không chốt được sổ bảo hiểm. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của tôi và chị H, chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5- Hưng Yên: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động là Lê Thị H nhưng do tôi - Phạm Thị Ngọc K là người tham gia giao kết với người sử dụng lao động là công ty TNHH I trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017 vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật thì tôi hoàn toàn đồng ý, không có ý kiến gì thêm và tôi xin giải quyết vắng mặt.

- Công ty TNHH TTB tại văn bản xác nhận ngày 13/6/2020 do người yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giao nộp thể hiện: Người lao động Lê Thị H, địa chỉ: MQ, VT, TB, sổ sổ BHXH: 3414006xxx có vị trí công việc là công nhân kiểm hóa Bộ phận đóng gói có thời gian tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại công ty TTB từ tháng 9/2014 đến tháng 4/2020.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên căn cứ vào các Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH I và người lao động mang tên chị Lê Thị H (nhưng người ký kết là chị Phạm Thị Ngọc K) trong thời gian từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017 là vô hiệu. Chị Lê Thị H và chị Phạm Thị Ngọc K liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội. Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5- Hưng Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5- Hưng Yên tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33, Điều 401 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 50 Bộ luật lao động năm 2019. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH I có địa chỉ tại thị trấn VT, huyện VT, tỉnh TB (nay là xã VT, tỉnh HY). Vì vậy, Tòa án khu vực 5- Hưng Yên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị K và công ty TNHH I đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp; Bảo hiểm xã hội tỉnh HY (cơ sở TB) có văn bản trình bày và cung cấp đầy đủ tài liệu về quá trình đóng BHXH, BHYT, BHTN của chị H và chị K (đúng tên chị H) nhưng vắng mặt tại phiên họp. Xét thấy việc Bảo hiểm xã hội cơ sở TB vắng mặt tại phiên họp không ảnh hưởng đến việc xem xét giải quyết yêu cầu của chị H. Tòa án căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng lao động mà chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết vào năm 2014 khi Bộ luật Lao động năm 2012 đang có hiệu lực thi hành. Do đó Tòa án căn cứ các quy định tại Bộ luật Lao động năm 2012 và năm 2019 để giải quyết.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của chị Lê Thị H đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017 giữa người lao động Lê Thị H nhưng do chị Phạm Thị Ngọc K là người tham gia giao kết với người sử dụng lao động là công ty TNHH I vô hiệu thì thấy: Việc chị Phạm Thị Ngọc K mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của chị động Lê Thị H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH I là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Lê Thị H là có căn cứ để chấp nhận. Cần tuyên bố

hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH I và chị Lê Thị H (do chị Phạm Thị Ngọc K ký) trong thời gian từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017 là vô hiệu.

[3.2] Đối với yêu cầu của chị Lê Thị H đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ - CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị Ngọc K (Hồ sơ mượn tên chị Lê Thị H) với Công ty TNHH I nhưng trên thực tế chị K có làm việc tại Công ty TNHH I, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho chị K (mang tên chị H, số sổ là 3414007xxx). Do vậy chị Lê Thị H và chị Phạm Thị Ngọc K liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội. Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan đến Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH I và chị Lê Thị H (do chị Phạm Thị Ngọc K ký) điều chỉnh tên Lê Thị H trên sổ Bảo hiểm xã hội số 3414007xxx thành Phạm Thị Ngọc K. Chị Lê Thị H và chị Phạm Thị Ngọc K có quyền liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở TB để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Lê Thị H thành Phạm Thị Ngọc K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ - CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H: Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH I và chị Lê Thị H (do chị Phạm Thị Ngọc K ký) trong thời gian từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2017 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Chị Lê Thị H và chị Phạm Thị Ngọc K liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội và làm thủ tục để điều chỉnh thông tin nhân thân từ Lê Thị H thành Phạm Thị Ngọc K. Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh thông tin nhân thân tại Sổ bảo hiểm số 3414007xxx từ Lê Thị H, sinh ngày

05/5/1996, địa chỉ: xã MQ, huyện VT, tỉnh TB, số CMTND 152126xxx do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 17 tháng 3 năm 2011 thành Phạm Thị Ngọc K, sinh ngày 07/9/1999, địa chỉ: Thôn LU, xã MQ, huyện VT, tỉnh TB, số căn cước công dân 034199005xxx do Bộ Công an cấp ngày 14 tháng 4 năm 2025.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Lê Thị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003570 ngày 26/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Lê Thị H, Công ty TNHH I, Bảo hiểm Xã hội cơ sở TB, chị Phạm Thị Ngọc K có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Thị Thoan